

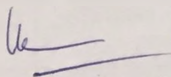
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019  
CỦA TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

| Số TT | Họ và tên thí sinh |       | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành             | Kết quả kiểm tra, sát hạch |                       |           | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ghi chú |
|-------|--------------------|-------|------------|------------|---------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|
|       |                    |       | Nam        | Nữ         |                     |                          | Điểm kiểm tra, sát hạch    | Điểm ưu tiên (nếu có) | Tổng cộng | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |
| 1     | Ngô Thùy Thúy      | Hoài  |            | 25/01/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Lịch sử          | 72                         |                       | 72        | Giáo viên dạy Sử                       | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 2     | Dương Thị          | Thùy  |            | 20/10/1989 | Cử nhân             | Giáo dục chính trị       | 87                         |                       | 87        | Giáo viên dạy<br>Giáo dục công dân     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 3     | Phan Thiên         | Thanh |            | 05/02/1995 | Cử nhân             | Giáo dục chính trị       | 29,5                       |                       | 29,5      | Giáo viên dạy<br>Giáo dục công dân     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 4     | Lương Đức          | Mỹ    | 13/05/1993 |            | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học          | 92                         |                       | 92        | Giáo viên dạy Hóa                      | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 5     | Trần Thị Thảo      | Linh  |            | 01/01/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học          | 74                         |                       | 74        | Giáo viên dạy Hóa                      | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 6     | Phạm Thị           | Loan  |            | 25/02/1989 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học          | 56                         |                       | 56        | Giáo viên dạy Hóa                      | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 7     | Trần Thị Trúc      | Ly    |            | 01/04/1997 | Cao đẳng            | Sư phạm kinh tế gia đình | 61                         |                       | 61        | Giáo viên dạy Kỹ thuật nữ công         | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 8     | Nguyễn Thanh       | Bình  | 29/12/1987 |            | Cử nhân             | Sư phạm Mỹ thuật         | 26                         |                       | 26        | Giáo viên dạy Mỹ thuật                 | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 9     | Phạm Thị Hồng Lệ   | Thu   |            | 14/10/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học         | 70                         |                       | 70        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 10    | Nguyễn Thị         | Liên  |            | 02/08/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học         | 41                         |                       | 41        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 11    | Nguyễn Thị Mộng    | Linh  |            | 02/11/1997 | Cao đẳng            | Sư phạm Toán học         | 30                         |                       | 30        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 12    | Trần Tiến          | Hương | 10/08/1996 |            | Cao đẳng            | Sư phạm Toán học         | 25                         |                       | 25        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |

| Số TT | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành                   | Kết quả kiểm tra, sát hạch |                       |           | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Ghi chú |
|-------|----------------------|------------|------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------|----------------------------------------|---------------------------|------------|---------|
|       |                      | Nam        | Nữ         |                     |                                | Điểm kiểm tra, sát hạch    | Điểm ưu tiên (nếu có) | Tổng cộng | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |         |
| 13    | Vi Văn Đôn           | 04/02/1986 |            | Cao đẳng            | Sư phạm Toán - Lý              | 25                         |                       | 25        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 14    | Nguyễn Ngọc Phú      | 10/01/1984 |            | Cao đẳng            | Sư phạm Toán - Công tác Đội    | 19                         |                       | 19        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 15    | Dương Thị Thùy Linh  |            | 20/11/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học               | 15                         |                       | 15        | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 16    | Nguyễn Hoàng Sơn     | 28/06/1993 |            | Cử nhân             | Toán - Tin học                 |                            |                       |           | Giáo viên dạy Toán                     | Giáo viên                 | V.07.04.12 | Vắng    |
| 17    | Trần Thị Thu         |            | 20/8/1996  | Cao đẳng            | Sư phạm Ngữ văn                | 57                         |                       | 57        | Giáo viên dạy Văn                      | Giáo viên                 | V.07.04.12 |         |
| 18    | Nguyễn Thị Trúc Linh |            | 23/05/1983 | Trung cấp           | Văn thư lưu trữ                | 95                         |                       | 95        | Văn thư                                | Văn thư trung cấp         | 02.008     |         |
| 19    | Trần Thị Phương Ngân |            | 17/01/1991 | Trung cấp           | Thư viện - thiết bị trường học | 65                         |                       | 65        | Thư viện                               | Thư viện viên             | 17.171     |         |

Tổng cộng danh sách có 19 (mười chín) người.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Hồng

Nhà Bè, ngày 30 tháng 5 năm 2019  
TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Minh Tý